

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: KHOA HỌC CƠ BẢN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2018 TRUNG CẤP (T4)							
1	Toán 6 (CNÔ; CNM, TCD; KTD, QTD, KXD, NNA, CCK, CKC,ANM, CĐT, THU, TKW, CMT, LTM, TKĐ, ĐCN, ĐĐT, KML, VSL)	0714001619	Vấn đáp				
2	Hóa học 4 (ANM,CĐT,THU,TKW,CMT,LTM, QTM, TKĐ, ĐCN, ĐĐT, KML, VLS, CNÔ,CNM,TCD, KTD, QTD, NNA, CCK, CKC, KXD)	0714001618	Tiểu luận				
3	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh (NNA)	0714001707	Tiểu luận				
4	Tiếng Anh Điện thoại (NNA)	0714001709	Vấn đáp				
5	Tiếng Hoa (NNA)	0714002240	Vấn đáp				
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	Hóa học 2 (CĐT, ĐĐT, ĐCN, KML, LĐL, VSL, CCK, CKC, CNÔ, ANM, CMT,LTM, QTM, THU, TKW, TMĐ, CNM, KTD, QTD, LGT, TCD, NNA, KXD)	0714001611	Tiểu luận				
2	Ngữ văn 4 (CĐT, ĐĐT, ĐCN, KML, LĐL, VSL, CCK, CKC, CNÔ, ANM, CMT, LTM, QTM, THU, TKĐ, TKW, TMĐ, CNM, KTD, QTD, LGT, TCD, NNA, KXD)	0714001614	Vấn đáp				
3	Nói 2 (NNA)	0714002364	Vấn đáp				
4	Toán 4 (CĐ, ĐĐT, ĐCN, KML, LĐL, VSL, CCK, CKC, CNÔ, ANM, CMT, LTM, QTM, THU, TKĐ, TKW, TMĐ, CNM, KTD, QTD,LGT, TCD, NNA, KXD)	0714001612	Vấn đáp				
5	Vật lý 3 (CĐ, ĐĐT, ĐCN, KML, LĐL, VSL, CCK, CKC, CNÔ, ANM, CMT, LTM, QTM, THU, TKĐ,TKW, TMĐ, CNM, KTD, QTD, LGT, TCD, NNA, KXD)	0714001613	Tiểu luận				
6	Viết (NNA)	0714001698	Vấn đáp				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Địa Lý 1 (QDL, QLH)	0714002540	Vấn đáp				
2	Ngữ pháp Tiếng Anh 2 (NNA)	0714002557	Vấn đáp				
3	Ngữ Văn 2 (CĐT, ĐĐT, TĐH, ĐCN, CNÔ,KXD, CKL, CKC, CCK, ANM, CMT, ĐHĐ, LTM, QTM, TKĐ, TKW, TMĐ,THU, CNM, KTD, LGT, QNH,QTD, QKS, TCD, CNL, KML, VSL, NNA, KLB)	0714000479	Vấn đáp				
4	Ngữ Văn 2 (QDL, QLH)	0714002542	Vấn đáp				
5	Toán 2 (CĐT,ĐĐT,TĐH,ĐCN,CNÔ, KXD, CKL, CKC, CCK, ANM, CMT,ĐHĐ, LTM, QTM, TKĐ, TKW, TMĐ, THU, CNM, KTD, LGT, QNH, QTD, QKS, TCD, CNL, KML, VSL, NNA, KLB)	0714001349	Vấn đáp				
6	Toán 2 (QDL, QLH)	0714002539	Vấn đáp				
7	Vật Lý 1 (CĐT, ĐĐT, ĐCN,TĐH, CNÔ,KXD, CKL, CKC, CCK, ANM, CMT,ĐHĐ, LTM, QTM, TKĐ, TKW,TMĐ,THU,CNM,KTD, LGT, QNH, QTD, QKS, TCD,CNL,KML,VSL,LĐL,NNA,KLB)	0714000453	Tiểu luận				
8	Vật Lý 1 (QDL, QLH)	0714002541	Tiểu luận				
2018 TRUNG CẤP (T7)							
1	Toán 6	0717001619	Vấn đáp				
2	Hóa học 4	0717001618	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Tiếng Anh 1 (CNÔ)	0211002027	Vấn đáp				
2	Tiếng Anh 2 (CNÔ)	0211002254	Vấn đáp				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
3	Tiếng Anh 3 (CNÔ)	0211002259	Vấn đáp				

2020 CAO ĐẲNG SONG HÀNH VINFAST (C5)

1	Tiếng Anh 1 (CNÔ)	0220002027	Vấn đáp				
2	Tiếng Anh 2 (CNÔ)	0220002254	Vấn đáp				
3	Tiếng Anh 3 (CNÔ)	0220002259	Vấn đáp				
4	Tiếng Anh 4 (CNÔ)	0220002495	Vấn đáp				



HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đinh Văn Đệ

